

Tri thức bản địa của người dân xã An Thanh, Tứ Kỳ, Hải Dương về nuôi trồng và khai thác rươi

Đinh Đức Tiến*, Vũ Nam Hoàng**

Nhận ngày 21 tháng 5 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 7 năm 2024.

Tóm tắt: Hiện nay đã có một số đề tài khoa học ra đời thuộc lĩnh vực Sinh học và Nông học nhằm phục vụ cho việc phát triển nghề nuôi trồng rươi. Tuy nhiên, quá trình khảo sát, tìm hiểu, việc nuôi trồng và khai thác vẫn phụ thuộc phần lớn vào tự nhiên và gắn liền với những tri thức bản địa. Bằng phương pháp lịch sử, điền dã văn hóa học và so sánh, tác giả khảo cứu nguồn tài liệu thư tịch ghi chép về rươi để tiến hành phân tích, so sánh, đối chiếu với kết quả điền dã tại địa phương trong thời gian từ ngày 19-27/1/2021. Bài viết tập trung vào việc tìm hiểu những kinh nghiệm, tri thức bản địa của người dân tại vùng An Thanh, Tứ Kỳ, Hải Dương trong khai thác rươi truyền thống và quá trình vận dụng những kinh nghiệm, tri thức bản địa này vào thực tiễn để nuôi trồng rươi. Tại địa phương, người nông dân vẫn sử dụng những tri thức bản địa về sự lên xuống của con nước thủy triều để xác định thời điểm khai thác, thu hoạch rươi.

Từ khóa: Rươi, tri thức bản địa, nghề nuôi trồng rươi, sinh thái học văn hóa, Tứ Kỳ.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Currently, there have been a number of scientific topics regarding the field of Biology and Agronomy aimed at developing the profession of cultivating *Tylorhynchus heterochaetus*. However, the process of surveying, researching, cultivating and exploiting still depends largely on nature and is associated with indigenous knowledge. Using historical, cultural fieldwork and comparative methods, the author studies the bibliographic sources recorded on *Tylorhynchus heterochaetus* to analyze, compare and contrast with the results of fieldwork in the local area during the period from 19 January to 27 January, 2021. The article focuses on understanding the experiences and indigenous knowledge of people in An Thanh Commune, Tứ Kỳ district, Hải Dương province in exploiting traditional *Tylorhynchus heterochaetus* and the process of applying these indigenous experiences and knowledge into practice for the cultivation of *Tylorhynchus heterochaetus*. Locally, farmers still use indigenous knowledge the tidal ebb and flow to determine when to exploit and harvest *Tylorhynchus heterochaetus*.

Keywords: *Tylorhynchus heterochaetus*, indigenous knowledge, *Tylorhynchus heterochaetus* cultivating, Cultural ecology, Tứ Kỳ.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Theo Viện Từ điển học và Bách khoa toàn thư Việt Nam: “Rươi (*Tylorhynchus sinensis*), loài giun đốt, lớp giun nhiều tơ (Polychaeta), sống ở vùng cửa sông nước lợ, ven biển vịnh Bắc Bộ. Thân gồm trên 50 đốt, mỗi đốt có một đôi chi bên mang một chùm tơ, là cơ quan vận động. Phần đầu được chuyên hoá với nhiều cơ quan cảm giác. Thân có màu hồng, nâu nhạt hoặc xanh lá cây. Có giới tính phân biệt rõ rệt và đã phát triển những tập tính bảo đảm cho sự thụ tinh có hiệu quả cao: đến mùa sinh sản vào cuối tháng 9 đầu tháng 10 dương lịch, rươi từ

*** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: vunamhoang1999@gmail.com

những hang hốc ở ven bùn nổi lên mặt nước, cùng tiết trứng, tinh trùng và quá trình thụ tinh diễn ra trong nước. Quá trình này phụ thuộc vào chu kỳ mùa vụ, liên quan đến nhiệt độ môi trường. Độ dài ngày, ánh sáng, độ cao của thủy triều, tốc độ dòng nước, số lượng thức ăn... là những yếu tố sinh thái bảo đảm tỉ lệ sinh sản cho loài rươi. Rươi là nguồn thực phẩm có giá trị” (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2021).

Trong lĩnh vực nông nghiệp học và sinh học, rươi đã trở thành đối tượng nghiên cứu trong các đề tài khoa học có tính ứng dụng cao trong thực tiễn. Ở lĩnh vực nông nghiệp có “Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản của rươi ở miền Bắc Việt Nam” (Nguyễn Quang Chương, 2009: 22-28) và “Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất nhân tạo giống rươi” (Cao Văn Hạnh, 2015). Nội dung của hai đề tài đều hướng đến việc tìm cách nhân giống để chủ động về sản lượng rươi. Dựa trên kết quả của hai đề tài trên, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Ban Chấp hành hội nông dân thành phố Hải Phòng đã xây dựng đề tài: “Xây dựng mô hình sản xuất xen canh và tiêu thụ lúa hữu cơ - cây - rươi tại vùng bãi ven sông một số xã ở Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão - Hải Phòng” (Nguyễn Văn Chương, 2018). Đề tài hướng đến việc tìm ra mô hình, cách thâm canh giữa lúa với rươi - cây hiệu quả để giữ nguồn giống trong tự nhiên và mở rộng mô hình sản xuất. Song song với kiến thức khoa học, quy trình nuôi rươi của đề tài này đã có nhắc đến việc sử dụng tri thức dân gian - tri thức bản địa nhưng ở chỉ ở mức độ hạn chế và mang tính chất tham khảo.

Trong một số nghiên cứu về ẩm thực, rươi là một món ăn được nhắc đến ở các công trình nghiên cứu, như: *Văn hóa ẩm thực dân gian Hà Nội* (Nguyễn Thị Bảy, 2007), *Tập quán ăn uống của người Việt ở Kinh Bắc* (Vương Xuân Tình, 2004), *Từ điển văn hóa ẩm thực Việt Nam* (Huỳnh Thị Dung, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Huế, 2001), *Văn hóa ẩm thực Hải Phòng* (Đào Thị Hiền Na, 2017)... Các nghiên cứu này tập trung mô tả công thức, cách chế biến của rươi thành các món ăn.

Nhìn chung, nghiên cứu về rươi đã được một số nhà nghiên cứu quan tâm. Những công trình nghiên cứu về nuôi trồng rươi được thực hiện lại thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, ít gắn liền với những tri thức bản địa, hoặc đề cập đến nhưng ở mức độ hạn chế. Rươi cũng được nghiên cứu trong ẩm thực, đó là những công trình, tác phẩm văn học tập trung mô tả cách thức chế biến món ăn. Tuy nhiên, nghiên cứu về những tri thức bản địa trong khai thác rươi truyền thống và nuôi trồng rươi hiện nay tiếp cận ở góc độ lịch sử, văn hóa học thì chưa có một nghiên cứu về vấn đề này.

2. Phương pháp, nguồn tư liệu và địa bàn nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu vấn đề này, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu lịch sử và điền dã văn hóa học. (i) Phương pháp lịch sử, được sử dụng để tìm kiếm, đánh giá, so sánh, phân tích tài liệu, đặc biệt là nguồn tài liệu thư tịch cổ. Phương pháp này cho phép tác giả có thông tin ban đầu và có tính chất cốt lõi để thấy được sự biến đổi trong quá trình khai thác, nuôi trồng và những biến đổi về lịch pháp - môi trường... (ii) Phương pháp điền dã văn hóa học, được tác giả sử dụng để khảo sát tại địa bàn nghiên cứu. Trong phương pháp điền dã này, tác giả sử dụng hai thao tác chính là quan sát tham dự và phỏng vấn sâu để lấy thông tin, mô tả thông tin, đối chiếu thông tin thu thập được, đánh giá và phân tích thông tin. Đối với phương pháp tham dự, tác giả đã tiến hành quan sát các hộ nuôi rươi tại bãi rươi của các thôn: Thanh Kỳ, An Định, An Lão xã An Thanh trong thời gian từ ngày 19-27/1/2021. Trong mỗi ngày ở thực địa, tác giả bắt đầu quan sát từ đầu giờ sáng (chủ ruộng rươi tiến hành các

công việc của mình) cho đến khi kết thúc công việc. Đối với phương pháp phỏng vấn sâu: tác giả tiến hành phỏng vấn trực tiếp người làm nghề trong quá trình quan sát; đặc biệt là tiến hành phỏng vấn sâu những cụ già (người cao niên) trong làng về tri thức, kinh nghiệm và những ký ức về việc khai thác, chế biến rươi trong quá khứ.

2.2. Nguồn tài liệu thư tịch

Trong thư tịch cổ và ghi chép của một số nhà nghiên cứu người Pháp, rươi được nhắc đến trong: *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn (2006); *Đại Nam nhất thống chí* (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006); *Bắc kỳ tạp lục* của H. Souvignet (2019); *Đế quốc An Nam và người dân An Nam* của Jules Slivestae (2020),...

Theo *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn (2006), rươi được chép trong sách *Quảng Đông tân ngữ* là: “Hòa trùng (sâu lúa, tức là rươi) sinh ra, do mùa Hạ nắng, hơi nóng uất kết mà sinh ra, hoặc là do gốc lúa hư nát mà sinh ra; sắc gốc lúa vàng hóa ra trùng, nên sắc trùng cũng vàng, con to như cái đũa, dài đến hàng trượng, có đốt, có mồm, khi nó sông thì xanh, lúc chín thì vàng đỏ. Trước tiết sương giáng, lúa chín, thì trùng cũng chín. Cứ ngày mồng một, mồng hai và ngày rằm, mười sáu, nước triều lên to, thì nó đứt từng đốt mà chui ra, bơi trên mặt ruộng, người ta dùng lưới hót lấy. Khi nấu rươi ăn, cho dấm vào, thì nước trắng chảy ra, lấy nước gạo lọc qua, chưng lên thành cao, ăn vừa ngon, vừa bổ, vì nó là tinh hoa của lúa. Những nhà nghèo đem rươi ướp muối làm mắm ăn”. Lê Quý Đôn cũng nhận thấy sách này còn có một ý khác rằng: “Có thứ trùng lúa, hình trạng như con tằm, dài một, hai tấc, không biết chủng loại gì. Vào khoảng mùa Hạ, mùa Thu, nó ở gốc lúa chui ra. Khi nước triều lên to ngập tràn ruộng, nhân dịp đó nó trôi ra biển, ngày đêm nổi lênh bênh trên mặt nước, thì sắc nước đỏ tía. Người ta dùng cái vỏ miệng to đẩy thớt, mắc vào cái gong, ngược dòng nước mà xúc, khi nào cái túi vỏ đầy, thấy nặng, thì đổ vào thuyền” (Lê Quý Đôn, 2006: 460). Ngoài ra, trong *Vân đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn còn dẫn thêm một nguồn thư tịch khác đề cập về rươi, đó là sách *Lĩnh Nam tạp ký*, trong bộ Thuyết linh chép: “Hình trạng con hòa trùng giống như con rết (bách cước), lại như con bộ ngựa (mã hoàng), thân mềm như con tằm, nhỏ như cái đũa dài hơn hai tấc, xanh vàng sặc sỡ, trong có nước trắng, tổng hình trạng khá ó, sinh sản ở ruộng bãi biển, ở trong gốc lúa chui ra, dài mấy thước hay hơn một trượng, nhằng nhằng như tơ trắng, theo nước biển mà trôi ra, thuận dòng vào đến bãi biển, đứt ra từng đoạn một, tức là thứ trùng ấy. Nhân dân địa phương dùng vỏ vót lấy, đem bán ngay trong buổi sáng; nếu quá trưa, thì nó ươn ra, không thể ăn được. Bỏ nó vào nồi, cho một chén con dấm, nó sẽ rỉ nước trắng ra; lọc xong, chưng với trứng gà, ăn rất ngon. Dưới thời giặc Phiên, chúng đánh thuế hòa trùng, thu được đến mấy nghìn (lạng) vàng” (Lê Quý Đôn, 2006: 461). Về sau, Lê Quý Đôn cũng đưa ra nhận định riêng đối với loài rươi rằng: “Xét ra, thứ trùng ấy, ở nước Nam ta, gọi là *thổ hà* (tôm đất) tức là rươi. Nó sinh ở trong ruộng gần biển, cảm khí đất mà sinh ra. Khi nào có rươi tắt mưa, kỳ hạn không sai. Hàng năm, cứ tháng 9 đôi mươi, tháng 10 mồng 5 (tính theo lịch âm), thì rươi ra nhiều, theo nước thủy triều, lênh đênh trên mặt nước. Nhân dân địa phương làm sẵn đó, dấm, đem ra mà xúc, không biết bao nhiêu mà kể. Ngày 30 tháng 5, ngày 20 tháng 8, cũng có rươi, nhưng chỉ dài độ mấy tấc, không đến một thước, để mấy ngày không ươn. Ăn rươi, đem đun nước, làm lông qua, rồi nấu canh với măng tre. Khi có nhiều, thì muối đi, làm mắm, đều ngon cả. Ở các vùng: Phụng Hóa, Gia Viễn, Yên Mô, An Khang (thuộc Thanh Hóa), các huyện: Vũ Tiên, Chân Định, Nam Chân, Giao Thủy, Thanh Quan, Thụy Anh, Đông Quan (thuộc trấn Sơn Nam), đều thường năm, đem rươi cống” (Lê Quý Đôn, 2006: 461).

Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, vào tháng 4, mùa hạ năm Mậu Tý, Trùng Hưng năm thứ 4 tức năm 1288 dưới đời vua Trần Nhân Tông, rươi và quả quýt đã được nhắc

đến trong câu chuyện mà nhà vua dùng để hòa giải mâu thuẫn giữa Lê Tông Giáo và Đinh Cử Viên. Nhà vua đã triệu Lê Tông Giáo và bảo rằng “Cử Viên là văn quan, nhà ngươi là trung quan, có việc gì mà không hòa hợp với nhau đến thế! Nhà ngươi làm lưu thủ ở Thiên Trường, rươi có, quýt có, đi lại tặng biếu cho nhau thì có hại gì?” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1958: 81) Bên cạnh đó, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* còn có lời chua: “Thiên Trường: Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15. Thổ sản ở Thiên Trường có rươi và quýt. Bài thơ “Thiên trường ký sự” của Phạm Sư Mạnh có câu: “Lưỡng ngạn tân sương kim quất quốc, mãn thành tế vũ thổ hà thiên”: Tiết trời mới có sương, trông hai bên bãi tường là một nước toàn quýt vàng; gặp lúc mưa nhỏ, thì khắp nơi trong thành chỉ thấy trên là trời, dưới có rươi (ý nói về tiết tháng 9, ở Thiên Trường có nhiều quýt và rươi)” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1958: 82). Như vậy, trong thời quân chủ Đại Việt, rươi đã là một món ăn dân dã không chỉ dành cho mỗi thứ dân bình thường mà còn được tăng lớp vua, quan thưởng thức.

Đại Nam nhất thống chí được đánh giá là bộ sách địa lý học đầy đủ thông tin nhất trong các sách địa lý được biên soạn dưới thời quân chủ của Việt Nam. Tài liệu này đề cập nhiều vấn đề khác nhau: Hình thế, khí hậu, phong tục,... Trong đó, sách này cũng đề cập và mô tả về rươi như sau: tên gọi là hòa trùng, nhưng cũng được gọi với một tên khác là hỏa trùng. Hình dáng như con rết mà nhỏ, sắc xanh, sinh sản ở huyện Phú Vang. Những ruộng ở gần nước mặn đều có rươi, mà nhiều nhất là từ tỉnh Quảng Bình trở ra Bắc (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.1: 502). Rươi trong các ghi chép chủ yếu ở mục thổ sản, khí hậu của các địa phương, đặc biệt là các tỉnh Bắc Bộ. Ở tỉnh Hải Dương, “động rươi” là một hiện tượng thời tiết xuất hiện vào những tháng mùa thu, mùa hạ nhiều gió đông nam, mùng 10 tháng 8 thường có gió lớn mưa to, 20 tháng 9 và mùng 5 tháng 10, có rươi, nước sông đầy dẫy, thường nổi gió bão nên tục gọi là “động rươi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.3: 451). Trong mục thổ sản của tỉnh Hải Dương, rươi có tên chữ Hán là đại hỏa trùng, nấu và làm mắm đều ngon (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.3: 545). Mắm rươi là một thổ sản ở Nam Định, các xã Quần Liêu huyện Đại An, xã Cao Mại huyện Chân Định, xã Phú Khê huyện Phong Doanh, xã Đồng Cừ và xã Dụ Đại huyện Đông Quan, xã Đồng Bạch và xã Quần Yên huyện Vũ Tiên, xã Đại Đồng và xã Phúc Trung huyện Thư Trì, xã Dũng Quyết, xã Lạc Chính và xã Dưỡng Hối huyện Ý Yên, xã Bồng Tiên, xã Hành Thiện, xã Dũng Nhuệ, xã Hội Khê và xã Trà Hải huyện Giao Thủy đều có mắm rươi và có lệ tiến cống (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.3: 433). Ở Ninh Bình, mắm rươi ngoài tên chữ Hán cũng là đại hỏa trùng thì còn có tên là hỏa can trùng, ven biển đều có, song mắm rươi làng Yên Vệ là ngon nhất và có lệ thường tiến (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.3: 329). Rươi còn gắn liền với tên gọi của một tiết trời trong năm như “mưa rươi” ở Nghệ An (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.2: 166) và câu ca dao “tháng chín bão rươi, tháng mười bão cá” ở Thanh Hóa. Ở Nghệ An, rươi sinh sản ở các ruộng về các chi lưu của sông Lam, hằng năm cứ 9 tháng 10 mới có (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.2: 257). Theo *Nghệ An ký* (Bùi Dương Lịch, 2018: 37), “trong khoảng tháng 8 và tháng 9, trời hay mưa dầm và có gió đông bắc. Gió đến thì mưa, gió đi thì tạnh, thay đổi suốt ngày. Loài rươi theo tiết này sinh đẻ, cho nên [người ta] gọi gió ấy là gió rươi và gọi mưa ấy là mưa rươi”.

Ngoài những ghi chép trong thư tịch cổ, rươi còn có trong ghi chép của một số nhà nghiên cứu người Pháp. Tác phẩm *Tiểu luận về dân Bắc kỳ* của Gustave Dumoutier nói rươi là một thực phẩm côn trùng của người dân miền Bắc (Việt Nam). Tác phẩm này ghi chép cụ thể như sau: “Rươi - đó là một loài nhộng, thuộc bộ cánh cứng (coléoptère) sống trong nước lợ; chúng giống như những con giòi hợp với nước, vì vậy, hầu như khắp thân, dọc suốt hai bên đều có vân rất dày, dùng để bơi, trông hơi giống như có hàng nghìn chân; miệng kết cấu kiểu vòi hút như cá

mú đá; đầu nhỏ hơn thân mình, trên có hai sừng nhỏ. Rươi dài từ 6-8cm, một năm xuất hiện hai lần vào ban đêm, trên những bãi sông ẩm ướt vì dấu tích thủy triều: ngày 20 tháng chín và ngày 5 tháng mười âm lịch. Rươi rất được ưa chuộng, chủ đất hay người thuê luôn luôn để dành trong các thùng đựng cá. Người ta ăn rươi nấu với nước mắm, mỡ, hành và vỏ quýt. Rươi muối để dành được ba, bốn tháng. Một tách trà đầy rươi giá ba xu” (Gustave Dumoutier, 2020: 256). *Đế quốc An Nam và người dân An Nam* của Jules Slivestae là một công trình nghiên cứu tổng quan về địa lý, sản vật, kỹ nghệ, phong tục và tập quán An Nam. Trong phần động vật hoang dã và vật nuôi của Đảng Ngoài, tài liệu này cũng có ghi chép về rươi: “Trên bờ biển, trong những vùng đất bùn lầy, vào tháng Mười và Mười một, có một loại sâu to bằng ngón tay út, và hơi dài, người dân xứ này rất thích ăn: đó là con rươi; họ làm thành món chả rươi rất cay và vị rất ngon” (Jules Slivestae, 2020: 64). Cuốn *Bắc kỳ tạp lục (Variétés Tonkinoises)* của H. Souvignet là một tác phẩm khảo cứu rất nhiều lĩnh vực và được coi là “chiếc chìa khóa” giúp người Pháp “lên lối vào các góc ngách trong đời sống tinh thần của người An Nam”. Trong chương XX viết về chim muông, động vật bốn chân, cá, bò sát và côn trùng, giáp xác và thân mềm, khoáng chất và kim loại, rươi được ông đề cập đến là sâu biển và ăn được (H. Souvignet, 2019: 473).

Có thể thấy, những ghi chép trên đã thể hiện phần nào sự hiểu biết của các tác giả về rươi. Trước hết, rươi phân bố chủ yếu ở một số địa phương giáp biển hoặc gần biển thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng và khu vực Bắc Trung Bộ với tên gọi là hòa trùng hay đại hỏa trùng. Thời điểm rươi nổi lên nhiều nhất là ngày 20 tháng 9 và mùng 5 tháng 10 âm lịch hằng năm. Trong số các món ăn chế biến từ rươi, rươi dùng để làm mắm là một cách làm được sử dụng phổ biến ở các địa phương có rươi. Đối với các ghi chép của các nhà nghiên cứu người Pháp, việc mô tả thông tin của rươi có phần tương đồng với ghi chép của thư tịch cổ. Những ghi chép này là một phần tư liệu rất quan trọng trong quá trình xác thực thông tin và đối chiếu với kết quả điền dã thực địa.

2.3. Địa bàn nghiên cứu

Nằm bên bờ hữu sông Thái Bình, xã An Thanh là một địa phương nằm ở phía Đông của huyện Tứ Kỳ, Hải Dương, có diện tích tự nhiên 1.117 ha (Đảng bộ xã An Thanh, 2015: 7). Địa hình nơi đây là vùng đất trũng, hệ thống sông ngòi, ao hồ dày đặc, được bao bọc bởi sông Thái Bình, sông Cầu Xe (sông Bắc Hưng Hải), sông Đò Nhĩ. Bên trong xã còn có hai con sông lớn là sông Sòi và sông Mầm và sông nhỏ nằm ở thôn Thanh Kỳ (sông Son, sông Sòi Ngay, sông Đàm Rêu, sông Bàng). Ngoài ra, vị trí gần biển khiến mực nước các sông tại xã An Thanh luôn biến động theo sự lên xuống của thủy triều và thường xuyên diễn ra hiện tượng xâm nhập mặn.

Trong sản xuất nông nghiệp, tuy nhờ có nước thủy triều lên xuống mà đất đai màu mỡ do được phù sa bồi đắp tạo điều kiện thuận lợi cho cây cối phát triển, mang lại nguồn tôm cá, rươi, cua, cáy, rạm... nhưng người dân phải luôn đối mặt với sự xâm nhập mặn từ biển và sự đe dọa của nước lũ từ thượng nguồn đổ về. Vì vậy, đắp đê là việc làm cần thiết nhằm bảo vệ hoa màu. Hiện nay, xã An Thanh đang được bao bọc bởi đường đê bao quanh cùng với các cống ngăn mặn. Cửa cống cho phép nước thủy triều lên xuống để dùng vào việc tưới tiêu cho ruộng đồng và đóng lại khi có sự xâm nhập mặn. Cửa cống còn được mở ra để nước bên trong đê có thể thoát ra theo nước thủy triều rút nhằm tránh tình trạng ngập úng sau những đợt mưa lũ dài ngày. Mặt khác, việc đắp đê đã phân chia vùng sản xuất nông nghiệp thành 2 khu vực: khu vực trong đê và khu vực ngoài đê - bãi bồi. Khu vực bên trong đê do được bao bọc bởi hệ thống đê nên người dân có thể trồng được 2 vụ lúa/năm. Khu vực ngoài đê, người dân chỉ cấy được một vụ chiêm với năng suất thấp. Ngoài kinh tế nông nghiệp, đời sống

kinh tế của nhân dân xã An Thanh còn có thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, nhưng nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của xã.

3. Tri thức bản địa về con nước thủy triều và khai thác rươi truyền thống

Tri thức bản địa (indigenous knowledge) đã được nhiều nhà khoa học trong nước và ngoài chú ý đến. Theo Ngô Đức Thịnh, 2019: 51 cho rằng: “Tri thức bản địa là toàn bộ những hiểu biết của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân, hình thành và tích lũy trong quá trình lịch sử lâu dài của cộng đồng, thông qua trải nghiệm trong quá trình sản xuất, quan hệ xã hội và thích ứng môi trường. Nó tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau và truyền từ đời này sang đời khác bằng trí nhớ và thực hành xã hội. Tri thức bản địa còn được gọi bằng các thuật ngữ khác, như tri thức dân gian (folk knowledge), tri thức địa phương (local knowledge), tri thức truyền thống (traditional knowledge)”. Trong bài viết này, đối tượng nghiên cứu chính của tác giả là tri thức mang tính cộng đồng trong nuôi trồng - khai thác rươi. Tri thức này được đúc kết từ sự kế thừa trong khai thác rươi truyền thống và tiếp tục tích lũy, mò mẫm của những người dân trực tiếp nuôi trồng - khai thác rươi hiện nay.

3.1. Tri thức bản địa về con nước thủy triều

Trong phần trình bày này, tác giả tập trung vào tri thức về các con nước - thủy triều lên xuống. Dựa vào sự tích lũy, đúc kết kinh nghiệm hiểu biết về tự nhiên, nông dân/người nuôi trồng sẽ quyết định nên làm gì vào thời điểm nào và ở đâu. Quá trình tích lũy này diễn ra trong thời gian dài của lịch sử, được truyền từ đời này sang đời khác và trở thành tri thức của người dân bản địa. Ở xã An Thanh, nông dân không những phải biết thời vụ cấy lúa, mà còn phải nắm được quy luật của con nước triều lên xuống. Hơn nữa, lịch các con nước triều lên xuống này cũng được sử dụng trong quá trình nuôi trồng và khai thác rươi. Để tính được thời điểm nước thủy triều lên xuống, toàn bộ lịch pháp được người nông dân/người nuôi trồng rươi ở An Thanh sử dụng là Âm lịch theo truyền thống.

“Tháng Tám đánh trâu bò ra, tháng Ba đánh trâu bò về”. Đây là câu ca dao mà người dân mô tả thời điểm nước thủy triều lên trong năm để lấy nước vào ruộng hoặc cày, bừa. Qua tìm hiểu, tác giả được nông dân giảng giải một cách dễ hiểu với câu ca dao trên là: “Tháng Tám đánh trâu bò ra” - vào buổi sáng khi người dân đánh trâu bò ra chăn thả hoặc cày, bừa thì nước thủy triều lên và diễn ra đến hết nửa cuối năm; “Tháng ba đánh trâu bò về” được hiểu là nước thủy triều lên vào lúc chiều tối và diễn ra trong nửa đầu năm.

Ngoài câu ca dao trên, tác giả còn được chia sẻ về kinh nghiệm con nước lên xuống trong năm qua một câu ca dao khác: “Tháng Giêng, tháng Bảy phân minh/ Mùng Năm, Mười Chín thìn sinh tịnh hồi/ Tháng Tám cho lần tháng đôi/ Mùng ba, mười bảy, hai chín...”. Ở hai câu đầu: “Tháng Giêng, tháng Bảy phân minh”, dùng để chỉ sự giống nhau về lịch con nước của hai tháng này. “Phân minh” có thể hiểu là từ dùng để phân chia sự đối xứng của các tháng đầu năm và cuối năm về con nước. Minh chứng cho điều này là câu thứ ba “tháng Tám cho lần tháng đôi”. Tháng “đôi” ở đây là tháng hai trùng với lịch con nước thủy triều lên xuống của tháng Tám âm lịch. Ở câu hai và câu bốn là thời điểm nước kiệt. Lịch con nước thủy triều lên xuống được trình bày cụ thể ở bảng bên dưới. Chu kì xuất hiện của một con nước là 15 ngày. Ngày kiệt là ngày bắt đầu nước kém và ngày cường là ngày nước nổi lên lớn nhất. Bên cạnh đó, thời gian nước đạt đỉnh và nước rút ở trong những ngày cường cũng có sự khác biệt nhất định. Nhờ có tri thức về các con nước thủy triều lên xuống mà người dân có thể tính toán để lấy nước vào ruộng và khai thác rươi.

Bảng 1: Lịch con nước thủy triều lên xuống ở An Thanh (tính theo âm lịch)

THÁNG	CON NƯỚC THỨ NHẤT		CON NƯỚC THỨ HAI	
	Ngày kiệt	Ngày cường	Ngày kiệt	Ngày cường
Tháng 01 và tháng 07	05	10 - 17	19	25 - 29
Tháng 02 và tháng 08	03	09 - 15	03, 17, 29	22 - 26
Tháng 03 và tháng 09	13	18 - 22	27	30 - 05
Tháng 04 và tháng 10	11	16 - 21	25	30 - 05
Tháng 05 và tháng 11	09	14 - 19	23	28 - 03
Tháng 06 và tháng 12	07	12 - 17	21	27 - 02

Nguồn: Tư liệu tác giả đi điền dã

3.2. Tri thức bản địa trong khai thác rươi truyền thống

Ở xã An Thanh, Tứ Kỳ, Hải Dương, người dân thường dựa vào câu ca dao “tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm” để xác định thời điểm khai thác rươi. Nhưng trên thực tế, thời gian khai thác rươi có thể bị lệch vài ngày và không chính xác tuyệt đối như câu ca dao. Thông qua hiểu biết lịch con nước thủy triều lên xuống và những cuộc phỏng vấn sâu với các cụ cao niên, các hộ dân nuôi trồng rươi, tác giả được giải thích sâu hơn về câu ca dao “tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm”. Trên thực tế, theo quan sát của người dân, không phải lúc nào, rươi cũng xuất hiện đúng vào ngày 20 tháng 9 và mùng 5 tháng 10 âm lịch hằng năm. Do sự khác biệt thời tiết giữa các năm như: năm lạnh sớm, năm lạnh muộn, năm lũ ít, năm lũ nhiều... nên rươi sẽ xuất hiện sớm hơn hoặc muộn hơn ngày 20 và mùng 5 của câu ca dao. Chẳng hạn, tháng 9 đôi mươi tức là ngày 20 thì rươi có thể xuất hiện trước ngày 20 tháng 9 khoảng 2 ngày hoặc sau ngày 20 từ ba đến năm ngày. Thông thường, rươi nổi lên nhiều nhất vào đêm 19 và rạng sáng ngày 20, vì đây là thời điểm nước thủy triều lên mức đỉnh trong chu kỳ của thủy triều. Khi thủy triều lên, quá trình xâm nhập mặn từ biển vào đất liền diễn ra tạo thành nước lợ. Lúc này, theo đặc tính sinh học, rươi nổi từ dưới ruộng lên mặt nước để thực hiện quá trình sinh sản. Vì vậy, ngày 20 và mùng 5 phải được hiểu là thời điểm của con nước thủy triều của tháng 9 và tháng 10 âm lịch mà rươi nổi lên nhiều nhất (hay người dân địa phương gọi là nước rươi). Đây chính là tri thức, kinh nghiệm quan trọng trong khai thác rươi truyền thống mà vẫn được người dân sử dụng khi nuôi trồng theo hình thức quảng canh.

Khi rươi ngoi lên mặt nước, người dân cả làng gọi nhau ra các ruộng đồng hoặc đứng hai bên bờ của ngòi lúc nước thủy triều rút ra sông để vớt rươi. Ngoài cách vớt rươi thủ công, người dân An Thanh còn sử dụng lưới xăm để bắt rươi và được gọi là “dùi xăm” hoặc “đóng xăm”. Khi nước thủy triều xuống, người ta sử dụng hai cọc tre cắm xuống cửa ngòi, kênh - nơi nước sông ra vào theo nước thủy triều nhằm cố định hai bên cửa miệng của lưới và một cái cọc thứ ba được cắm ở phía đuôi để cố định, tạo thành bố cục hình chữ “V”. Bờ lưới xăm có kết cấu to, rộng ở phần đầu cửa miệng; nhỏ, hẹp và thắt lại dần về phần phía đuôi sau. Nước thủy triều lên, rươi từ dưới đất bơi lên mặt nước theo đặc tính sinh học và bơi ra sông theo dòng nước thủy triều rút. Lúc ấy, rươi bị chặn lại bởi lưới xăm đã chuẩn bị sẵn, người dân chỉ cần kéo lưới xăm lên, mở dây buộc ở phần đuôi lưới xăm và đổ vào thuyền rồi buộc lại lưới và thả xuống để tiếp tục lấy rươi.

4. Tri thức bản địa trong nuôi trồng, khai thác và thu hoạch rươi

4.1. Tri thức bản địa trong nuôi trồng rươi

Để có thể nuôi trồng và khai thác rươi, người nông dân bắt buộc phải cải tạo ruộng lúa thành ao đầm. Khâu cải tạo ao đầm sẽ quyết định năng suất và sản lượng rươi. Thời gian cải tạo được diễn ra trong ngày nước kiệt (ngày nước kém) của thời điểm trước mùa rươi sinh sản.

Công việc cải tạo thành ao đầm sẽ được tiến hành bởi các phương tiện máy móc cơ giới chuyên dụng như: máy mức, máy xúc, máy ủi... Sau khi cải tạo xong, thì tiến hành xây miệng cống ngăn để điều tiết cho nước ra vào bên trong đầm. Bên trong đầm, người nông dân thường làm những rãnh thoát nước nhỏ ở trong đầm để khi nước rút được nhanh hơn.

Đất ruộng sau khi được cải tạo thành ao, đầm, người nông dân sẽ tiến hành cấy lúa vụ chiêm để tạo môi trường sinh cảnh cho rươi sống và trú ngụ. Trước khi cấy, nông dân sử dụng phân chuồng ủ với rơm rạ để bón lót cho đầm nuôi. Khi cấy, nông dân sẽ cấy thưa để tạo chỗ cho rươi trú ngụ dưới gốc lúa. Việc làm cỏ phải được tiến hành hoàn toàn thủ công (bằng tay) và tuyệt đối không sử dụng thuốc diệt cỏ. Vì nếu không làm cỏ, cỏ sẽ phủ kín bề mặt ruộng, lấp hết lỗ rươi và hút hết các chất dinh dưỡng của cây lúa.

Việc lấy giống rươi hoàn toàn dựa vào tự nhiên. Vào những đợt nước lên, các ấu trùng rươi từ nước sông sẽ vào các ao, đầm đã được nông dân cải tạo từ trước đó. Những cây lúa trong ruộng sẽ có tác dụng giữ các ấu trùng ở lại. Trong suốt quá trình lấy giống, cửa cống phải được mở để nước thủy triều ra vào tự nhiên. Sau khi gặt vụ lúa chiêm, rơm rạ được giữ nguyên trên đồng ruộng để tự hoại mục. Phân hữu cơ tiếp tục được bón tiếp rồi cấy đất nhằm tạo độ tơi xốp cho đất và gia tăng chất hoại mục hữu cơ.

Theo kinh nghiệm quan sát của các hộ nuôi trồng rươi, đặc tính của rươi thường tập trung ở những *chỗ ráo nước*¹. Những chỗ ráo nước, lỗ rươi xuất hiện với mật độ rất dày và có khả năng cao là sẽ có nhiều rươi. Đây là lý do mà nông dân thường tạo các rãnh thoát nước nhỏ trong đầm nhằm mục đích thoát nước nhanh khi thủy triều xuống. Ngược lại, những chỗ thường trũng nước sẽ không có hoặc ít rươi hơn so với vùng ráo nước. Lượng rươi thu hoạch được trong 2-3 năm đầu sau khi cải tạo sang nuôi trồng rươi rất thấp. Từ năm thứ tư trở đi, sản lượng rươi thu hoạch được sẽ tương đối ổn định và cao hơn so với vài năm đầu tiên.

4.2. Tri thức bản địa trong khai thác và thu hoạch rươi

Sau thời kỳ sinh trưởng và phát triển trên đồng ruộng, rươi đến độ tuổi sinh sản sẽ nổi lên mặt nước để thực hiện quá trình giao phối. Đây cũng là thời điểm mà nông dân tiến hành khai thác và thu hoạch rươi. “Tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm” là câu ca dao nói về thời điểm khai thác rươi trong truyền thống. Hiện nay, kinh nghiệm này vẫn còn được sử dụng trong nuôi trồng rươi. Tuy nhiên, điểm mới của thời điểm khai thác rươi nuôi trồng so với khai thác rươi truyền thống là được chia thành hai vụ: rươi vụ mùa diễn ra từ tháng 9 đến hết tháng 12 âm lịch và sản lượng rươi thu được luôn nhiều hơn so với rươi vụ chiêm; rươi vụ chiêm bắt đầu từ tháng giêng đến tháng 8 âm lịch và sản lượng thu được rất ít. Theo kinh nghiệm của các hộ nông dân nuôi trồng rươi, rươi thu hoạch vào con nước tháng 9 và tháng 10 âm lịch (rươi vụ mùa) luôn cho sản lượng, chất lượng và giá thương phẩm cao nhất. Từ tháng 11 đến 30 Tết Âm Lịch, rươi vụ mùa vẫn cho thu hoạch nhưng là rươi cuối vụ nên sản lượng thu được sẽ ít hơn. Mặc dù rươi vụ chiêm diễn ra từ tháng giêng đến tháng Tám âm lịch, nhưng vào tháng 6 và tháng 7 âm lịch, rươi dường như không có hoặc rất ít rươi, các tháng còn lại đều có nhưng rất ít so với rươi vụ mùa. Từ thực tế này cho thấy, rươi không những xuất hiện vào 20/9 hay 5/10 âm lịch như câu ca dao “tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm”, mà còn xuất hiện rải rác vào các tháng khác trong năm.

Bên cạnh đó, quá trình thu hoạch rươi phụ thuộc vào một số yếu tố khác, đặc biệt là điều kiện thời tiết. Rươi vụ mùa diễn ra vào mùa đông, nên nhiệt độ có tác động đến quá trình rươi bơi lên mặt nước thực hiện quá trình sinh sản. Theo cụ Phạm Thị Liên, 81 tuổi, thôn Thanh Kỳ cho biết: “Tháng 11, tháng 12 đến giáp tết là con nước rươi cuối cùng. Thường thường, trời mà gió bắc thì không có rươi, phải gió đông mới có rươi. Trời mà đang từ gió bắc mà chuyển sang gió đông

¹ Chỗ ráo nước là những chỗ đất cao, có khả năng thoát nước nhanh khi nước triều rút. Vì khi nước triều rút, những chỗ ráo nước này tạo điều kiện cho rươi ngoi đầu lên mặt đất để thở thuận lợi hơn so với những chỗ trũng, rút nước chậm.

thì rươi lên nhiều lắm”². Hiện tượng “trời mà đang từ gió bắc mà chuyển sang gió đông thì rươi lên nhiều lắm” mà cụ Phạm Thị Liên nói đến được người dân trong vùng gọi là *mưa rươi*. Hiện tượng này thường diễn ra vào con nước thủy triều đầu tiên của tháng 10 âm lịch.

Thời gian thu hoạch rươi trong những ngày nước cường (triều cường lên), có sự thay đổi nhất định giữa các tháng. Vào tháng 9 âm lịch, không một hộ nông dân nào có thể thu hoạch rươi vào ban ngày, thời gian chỉ bắt đầu diễn ra từ chiều tối vào lúc 18:00 đến 21:00 giờ hoặc 22:00 giờ. Nếu rươi tháng 9 âm lịch bắt đầu thu hoạch vào chiều tối, thì rươi tháng 10 âm lịch đa phần được thu hoạch vào ban ngày. Đối với tháng 11 và 12 âm lịch, rươi sẽ bơi lên mặt nước vào sáng sớm. Các tháng của rươi vụ chiêm, rươi chỉ xuất hiện vào buổi tối.

Hiện nay, nhờ hiểu được đặc tính của con rươi và các ao đầm nuôi rươi quảng canh đều được xây dựng cống ngăn nước, nên người dân có thể thay đổi thời gian thu hoạch rươi chậm hơn vài ngày so với cách để rươi ngoi lên tự nhiên. Quá trình làm rươi nổi lên mặt nước chậm hơn vài ngày lúc nước cường - ngày triều cường gọi là kỹ thuật *ép rươi*. Kỹ thuật ép rươi được chia làm hai giai đoạn: ép khô và ép nước. Ép khô là quá trình đóng kín cửa cống dẫn nước vào trong đầm và chỉ diễn ra trong khoảng thời gian tối đa là 2-3 ngày (nếu lâu hơn, rươi sẽ bị chết vì không có nước). Ép khô luôn được thực hiện trước khi ép nước nhằm giúp cho người nông dân tránh được tình trạng bị lái buôn thu mua ép giá hoặc tránh thời tiết giá rét ảnh hưởng đến quá trình rươi nổi lên mặt nước, khiến nông dân phải thu hoạch thành nhiều đợt. Ép nước là quá trình đóng cửa cống làm cho nước trong ao, đầm không thể rút theo nước thủy triều nhằm kéo dài thời gian cho rươi nổi lên mặt nước. Đợi đến lúc thủy triều rút cạn, nông dân tiến hành mở cửa cống để tháo nước ra. Rươi theo nước trong ao, đầm chảy ra cửa cống và bị chặn lại bởi lưới xăm. Thời gian ép nước tối đa chỉ được diễn ra trong khoảng 3-4 tiếng (tính từ thời điểm đóng cống khi thủy triều rút). Nếu quá thời gian trên rươi bơi nhiều sẽ bị kiệt sức và ảnh hưởng đến chất lượng rươi.

Ngoài ra, lưới xăm vẫn được sử dụng để thu hoạch rươi trong quá trình nuôi trồng. Cách sử dụng loại lưới này giống với cách người dân sử dụng để đánh bắt và khai thác rươi trong truyền thống. Nếu như trong truyền thống, lưới xăm được đặt ở cửa nước ra vào của các kênh ngòi với sông thì nay lưới xăm lại được đặt ở miệng cống - nơi mà nước thủy triều ra vào. Khi rươi bị cuốn theo dòng nước ra khỏi đầm và bị chặn lại bởi lưới xăm. Đợi đến lúc đáy của lưới xăm đầy rươi, nông dân sẽ dùng móc kéo lưới xăm lên rồi đổ vào chậu. Sau đó, người thu hoạch tiến hành dùng sàng để rửa và loại bỏ các vật thể rác bị lẫn với rươi. Tiếp đến, rươi được cho vào các túi lưới mắt dày hoặc vải sạch và được móc lên cao làm ráo nước để cân. Sau khi cân xong, tùy vào mục đích sử dụng mà bảo quản, người dân tiến hành đóng hộp nhựa để cho vào tủ lạnh cấp đông hoặc cho rươi vào các khay xếp, đổ nước đá vào rồi bán cho thương lái vận chuyển tiêu thụ ở nơi khác.

5. Kết luận

Qua nghiên cứu điền dã tại địa phương, tìm hiểu, phỏng vấn về phương thức khai thác, kinh nghiệm đánh bắt rươi truyền thống, người dân vẫn còn sử dụng các tri thức bản địa về lịch con nước thủy triều lên xuống, đặc tính sinh học của rươi trong quá trình nuôi trồng và khai thác rươi. Câu ca dao “tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm” là minh chứng tiêu biểu cho sự vận dụng tri thức bản địa vào quá trình nuôi trồng và khai thác rươi. Tuy nhiên, cách hiểu thời điểm khai thác rươi được lưu truyền qua ca dao “tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm” phải được hiểu đúng. Thông qua tri thức bản địa về các con nước thủy triều và quan sát của người dân, ngày 20 và mùng 5 phải được hiểu là thời điểm của con nước thủy triều của tháng 9 và tháng 10 âm lịch, thời điểm mà rươi nổi lên nhiều nhất. Điều này có thể

² Lời kể của bà Phạm Thị Liên, 81 tuổi (sinh năm 1940), thôn Thanh Kỳ, phỏng vấn ngày 25/1/2021.

hiều theo cách khác, ngày 20 và mùng 5 của tháng 9 và tháng 10 âm lịch không phải là hai ngày duy nhất mà rươi nổi lên mà rươi còn có thể nổi trước và sau thời điểm đó vài ngày. Ngoài thời điểm trên, rươi còn xuất hiện với một lượng không đáng kể hoặc rất ít so với tháng 9 và tháng 10 âm lịch ở những đợt rải rác ở các tháng khác trong năm.

Ngày nay, nhiều hoạt động sản xuất nông nghiệp đã phá hủy cấu trúc của hệ sinh thái tự nhiên khiến cho hệ sinh thái nhân văn bị đe dọa. Trước áp lực phải tăng trưởng kinh tế, việc cân bằng hệ sinh thái - nhân văn trở nên khó khăn ở nhiều nơi, truyền thống hòa hợp với thiên nhiên của con người Việt Nam bị gạt bỏ. Điều này đang đi ngược lại với *Chiến lược bảo tồn thế giới* (IUCN) của Liên Hợp Quốc: “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và những tác động đến môi trường sinh thái” (Nguyễn Văn Kim và cộng sự, 2016: 25). Ở An Thanh, người nông dân đã từng có những tác động xấu đến môi trường tự nhiên trong quá trình sản xuất nông nghiệp, nhưng khi chuyển sang nuôi trồng rươi, họ buộc phải loại bỏ phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật để thuận theo những quy luật tự nhiên và vận dụng những quy luật sinh thái học vào sản xuất, phát triển nông nghiệp một cách bền vững. Trên thực tế, việc tìm ra mô hình phát triển bền vững là bài toán nan giải đối với nhiều địa phương trên cả nước. Trong bối cảnh chung đó, mô hình nuôi trồng rươi tại xã An Thanh là một lời giải cho bài toán phát triển bền vững ở một số địa phương có điều kiện tự nhiên tương đồng, như Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình...

Tài liệu tham khảo

- Bùi Dương Lịch. (2018). *Nghệ An kỷ*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- Cao Văn Hạnh. (2015). *Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất nhân tạo giống rươi*. [Đề tài cấp cơ sở, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1, Hải Phòng].
- Đảng bộ xã An Thanh. (2015). *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã An Thanh (1930 - 2010)*. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương xuất bản.
- Đào Thị Hiền Na. (2017). *Văn hóa ẩm thực Hải Phòng*. [Luận văn Thạc sĩ Việt Nam Học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội].
- Đinh Khắc Thuần. (chủ biên, 2009). *Địa phương chí tỉnh Hải Dương qua tư liệu Hán Nôm*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- Gustave Dumoutier. (2020). *Tiểu luận về dân Bắc Kỳ*. Nxb. Hà Nội.
- H. Souvigniet. (2019). *Bắc kỳ tạp lục (Variétés Tonkinoises)*. Nxb. Hội nhà văn.
- Jules Slivestae. (2020). *Đế quốc An Nam và người dân An Nam*. Nxb. Đà Nẵng.
- Lê Quý Đôn. (2006). *Văn Đài Loại Ngữ*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Ngô Đức Thịnh. (2019). *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam*. Nxb. Tri thức.
- Nguyễn Thị Bảy. (2007). *Văn hóa ẩm thực dân gian Hà Nội*. [Luận án Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội].
- Nguyễn Quang Chương. (2009). Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản của rươi ở miền Bắc Việt Nam. *Tạp chí Sinh học*, 3:22-28.
- Nguyễn Văn Chương. (2018). *Xây dựng mô hình sản xuất xen canh và tiêu thụ lúa hữu cơ - cây - rươi tại vùng bãi ven sông một số xã ở Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão - Hải Phòng*. [Đề tài cấp thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Hải Phòng].
- Nguyễn Văn Kim. (chủ biên, 2016). *Tiếp biến và hội nhập văn hóa ở Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1958). *Việt sử thông giám cương mục (chính biên)*. t.V. Nxb. Văn Sử Địa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam nhất thống chí*. t.1,2,3. Nxb. Thuận Hóa.
- Vương Xuân Tinh. (2004). *Tập quán ăn uống của người Việt vùng Kinh Bắc*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Từ điển học và bách khoa toàn thư Việt Nam. (2021). “Rươi”. http://bachkhoatoanthu.vass.gov.vn/noidung/tudien/Lists/GiaiNghia/View_Detail.aspx?TuKhoa=r%C6%B0%C6%A1i&ChuyenNganh=0&DiaLy=0&ItemID=24161.